TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Hữu Thỏa.
2. Ông Đậu Cao Nhu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Lệ Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Quang B, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn Hồng Phú, xã Qu H, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Bị đơn: Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn Hồng Phú, xã Qu H, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/4/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trần Quang B trình bày: Anh và chị Trần Thị Thanh H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/11/2012 tại UBND xã Qu H, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường cho đến tháng 01/2023 xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, có đôi lúc anh thiếu sự quan tâm đến vợ con, anh phát hiện chị H ngoại tình. Anh thấy vợ chồng

không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H. Vợ chồng không có con riêng, hiện chị H không mang thai, có 02 (hai) con chung Trần Quang Ng, sinh ngày 08/7/2013 và Trần Quang Kh, sinh ngày 28/6/2015. Con chung hiện đang ở với anh. Ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Anh làm nghề lái xe kinh doanh vật liệu xây dựng, công việc đi về trong ngày, thu nhập khoảng 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng)/tháng. Anh Bắc không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày: thống nhất với anh B về thời gian, điều kiện, địa điểm đăng ký kết hôn, tên tuổi con chung. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hiểu và cảm thông cho nhau, anh B chịu nhiều tác động bên ngoài khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng sứt mẻ. Chị thấy vợ chồng không thể đoàn tụ được, anh B yêu cầu ly hôn chị đồng ý. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Trần Quang Ng, giao con chung Trần Quang Kh cho anh B trực tiếp nuôi, hai bên không phải cấp dưỡng cho nhau. Hiện chị làm nghề bán hàng ở gần nhà, công việc đi về trong ngày, thu nhập khoảng 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng. Tại phiên tòa chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Quang Kh, giao con chung Quang Ngu cho anh B. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Cháu Trần Quang Ng và Trần Quang Kh có ý kiến: Bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng xin được ở với bố Trần Quang B.

Kết quả xác minh tại UBND xã Qu H, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An: Anh Bắc và chị Hoa có đăng ký kết hôn tại UBND xã Qu H vào ngày 09/11/2012. Vợ chồng mẫu thuẫn như thế nào địa phương không nắm được do không qua hòa giải tại cơ sở. Thu nhập bình quân đầu người tại địa phương 54.000.000đ (năm mươi tư triệu đồng)/người/năm. Anh B làm nghề lái xe chở vật liệu xây dựng, chị H làm nhân viên bán hàng, thu nhập cụ thể như thế nào địa phương không rõ. Anh B xin ly hôn chị H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, tống đạt văn bản cho Viện kiểm sát và đương sự của Thẩm phán hoàn toàn đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký tuân theo quy định pháp luật trong quá trình xét xử. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật

Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho anh B được ly hôn chị H. Giao con chung Trần Quang Ng cho anh B, giao con chung là Trần Quang Kh cho chị H; trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh B, chị H vì không ai yêu cầu. Anh B, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tài sản chung không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Bắc khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung nên xác định quan hệ "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Anh Trần Quang B, chị Trần Thị Thanh H đều cư trú xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Trần Quang B và chị Trần Thị Thanh H là hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 15, quyển số 02/2012). Các bên đương sự thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, do không hiểu nhau và thiếu sự quan tâm. Anh B cho rằng chị H ngoại tình, chị Hoa cho rằng anh B chịu nhiều tác động bên ngoài. Các bên không tìm được biện pháp giải quyết mâu thuẫn, đã sống ly thân. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh B và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Trần Quang B được ly hôn với chị Trần Thị Thanh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung Trần Quang Ng, sinh ngày 08/7/2013 và Trần Quang Kh, sinh ngày 28/6/2015. Anh B xin được trực tiếp nuôi cả hai con chung, chị H xin được nuôi con Trần Quang Kh và giao con Trần Quang Ngu cho anh B nuôi. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung của mỗi người là chính đáng, anh B và chị H đều có công việc, thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc các con. Để bảo đảm sự phát triển của các con về lâu

dài, cùng như ổn định về tâm sinh lý cho con sau khi bố mẹ sau ly hôn, cần giao cho mỗi người nuôi một con. Giao cháu Trần Quang Ng cho anh B trực tiếp nuôi, giao cháu Trần Quang Kh cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh B, chị H, vì không ai yêu cầu.

Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 28, 35, 39, khoản 1 Điều 40, 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Quang B được ly hôn chị Trần Thị Thanh H.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Quang Ng, sinh ngày 08/7/2013 cho anh B; giao con chung là Trần Quang Kh, sinh ngày 28/6/2015 cho chị H; trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh B, chị H vì không ai yêu cầu.

Anh B, chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Quang B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu số 0000241 ngày 13/4/2023.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- CCTHADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã Qu H (nơi ĐKKH 2012);
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hải Yến